CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Thủy điện Thác Bà

Ngày 30/06/2025	37,550 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.5%	**-3.2%**	**-3.3%**

DT thuần
Q2/25
155
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 53.0| 52.0%
YoY: ▲ 56.2| 56.9%

LN thuần
Q2/25
93.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 46.2| 97.5%
YoY: ▲ 60.5| 183%

LN sau thuế
Q2/25
82.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 42.0| 105%
YoY: ▲ 51.8| 172%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
61.7%
YoY: +/-▲ 15.0%

ROE (TTM)
Q2/25
15.5%
YoY: +/-▲ 2.8%

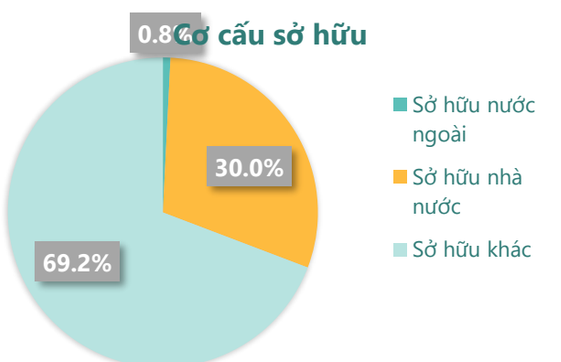
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	36,000 - 41,475
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,384
Số lượng CPLH (CP)	63,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,820
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.31
EPS	3,366
P/E	11.2

DT thuần
6T 2025
257
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 47.0| 22.5%

LN thuần
6T 2025
141
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 48.9| 53.1%

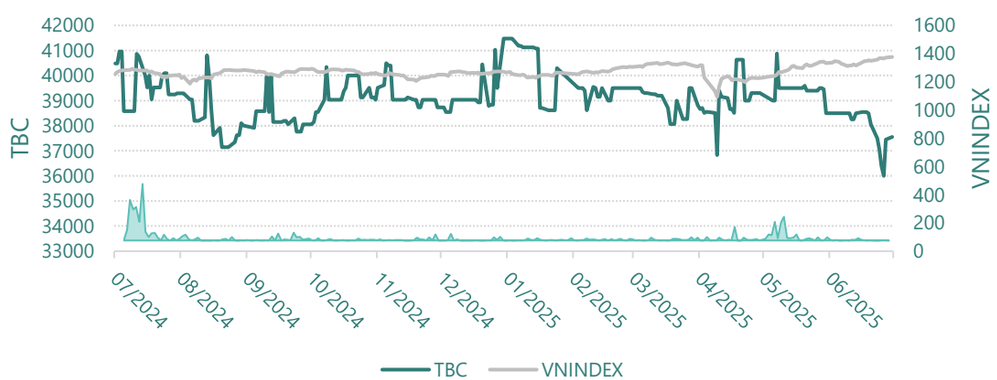
LN sau thuế
6T 2025
122
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 41.5| 51.6%

Cơ cấu sở hữu

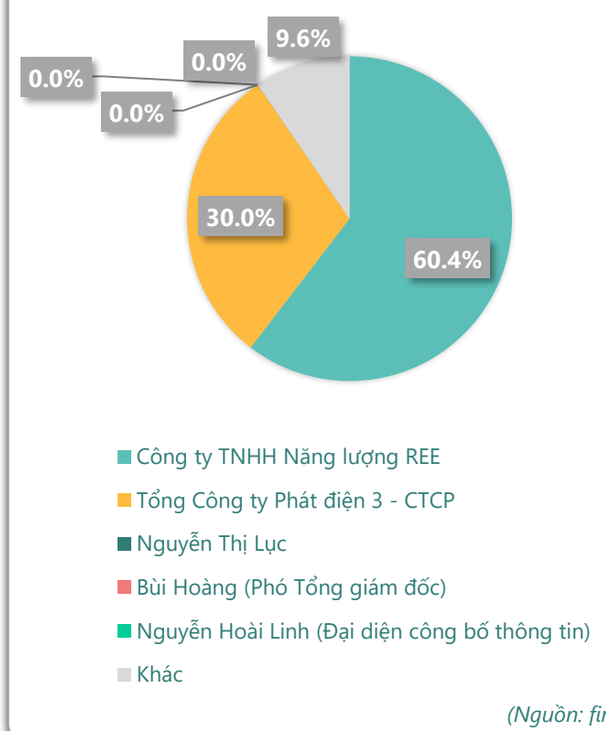


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



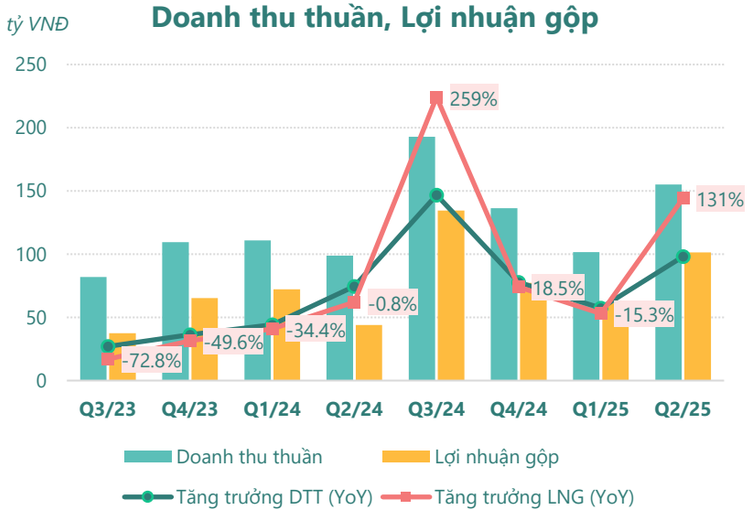
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

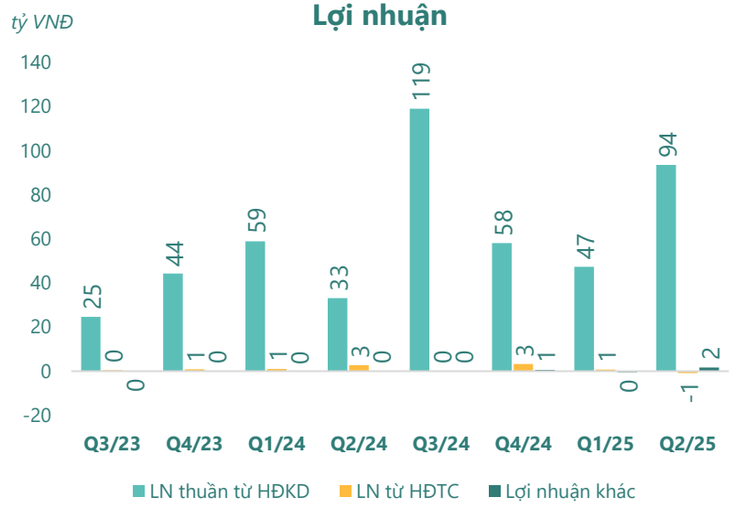
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



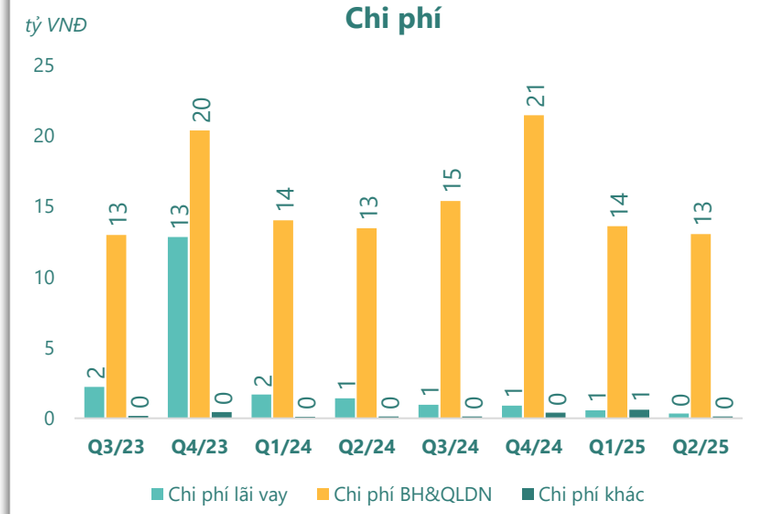
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



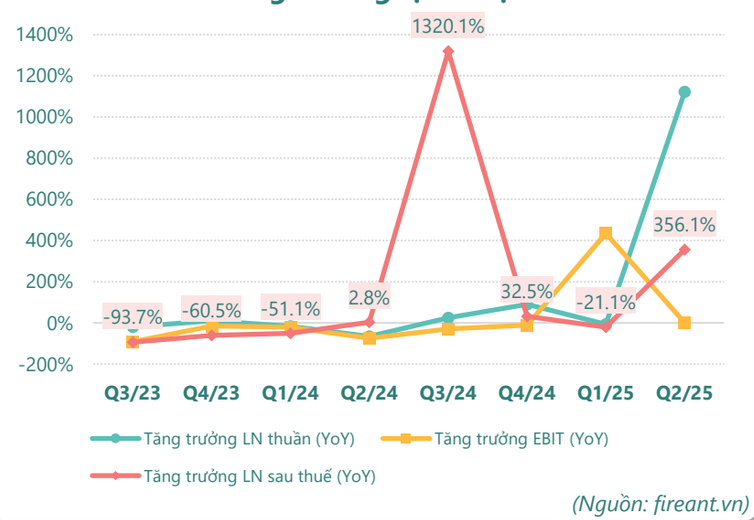
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



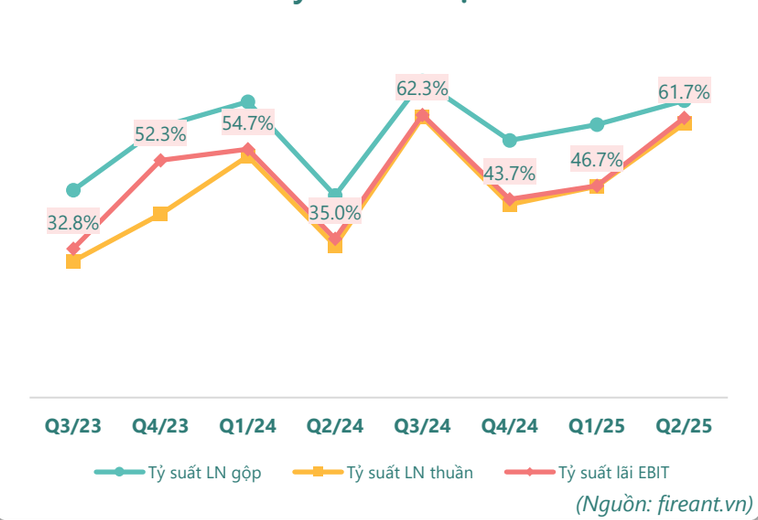
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



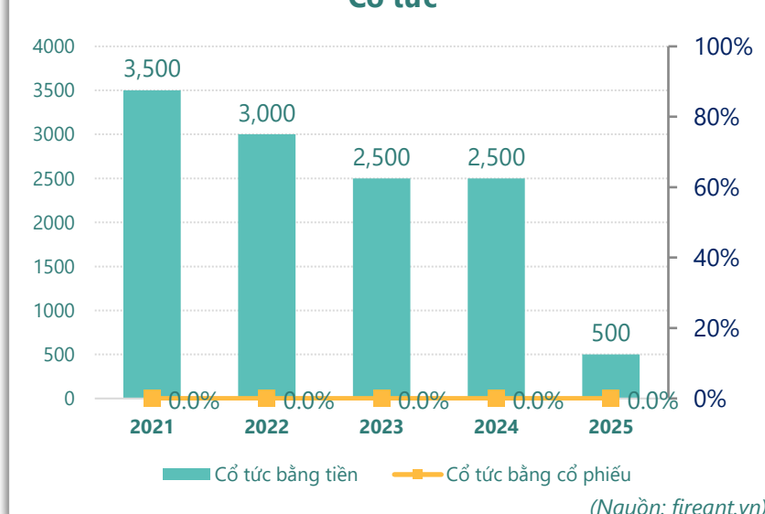
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

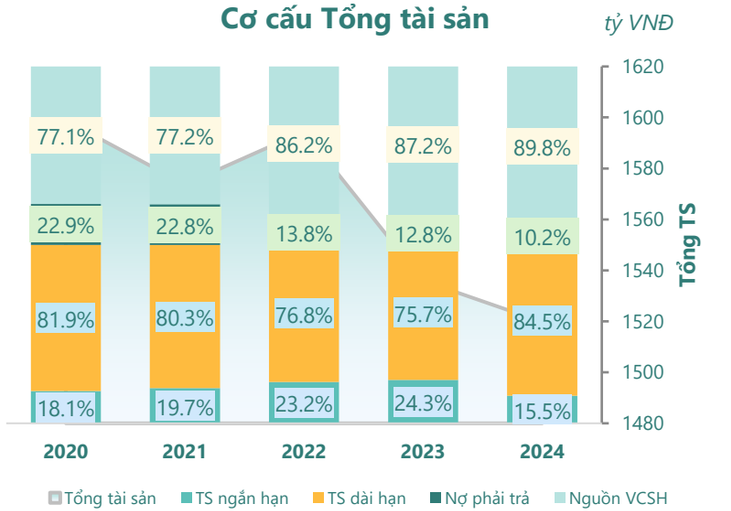
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

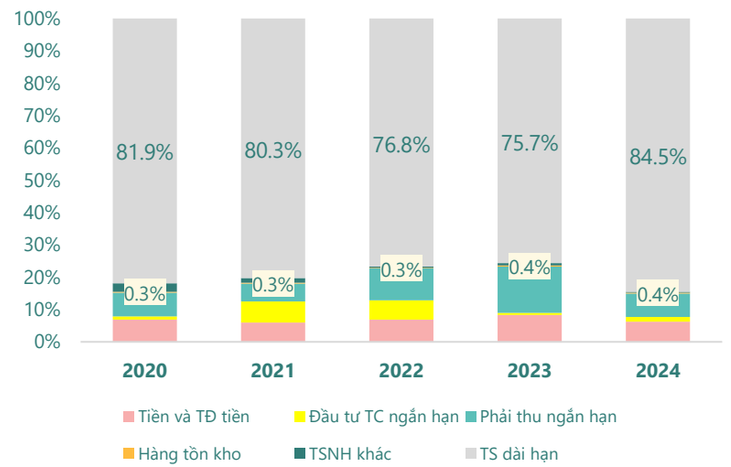
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



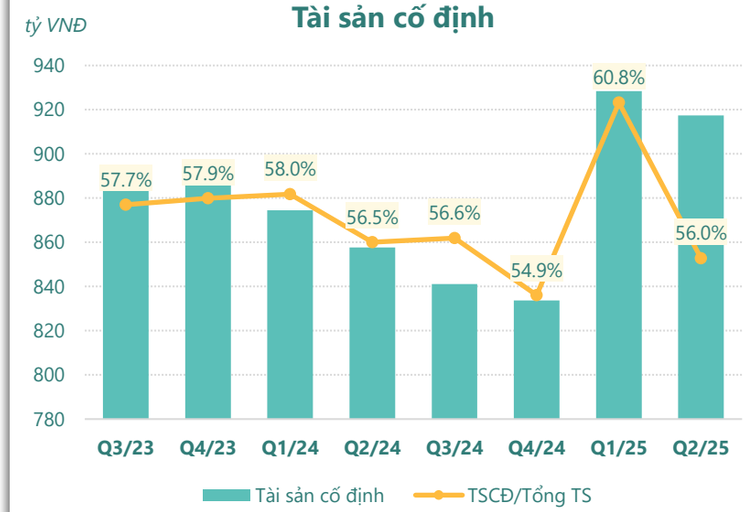
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



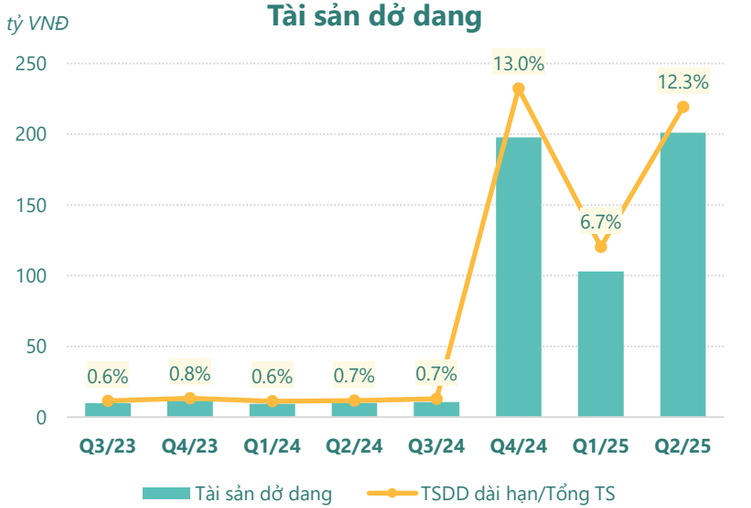
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



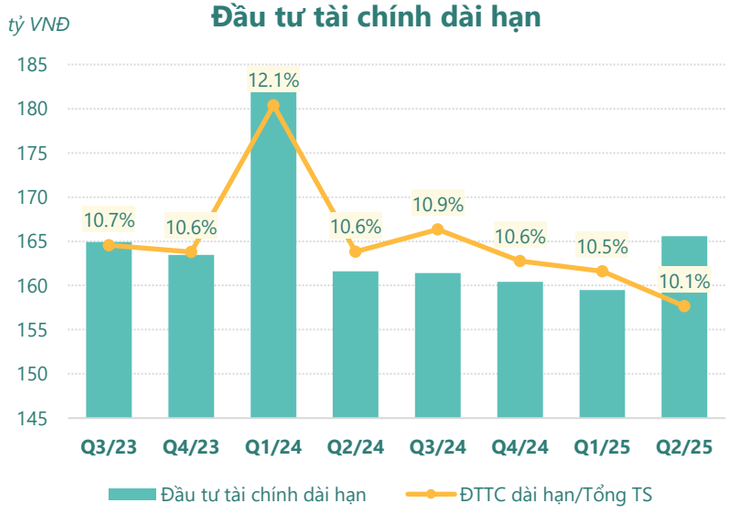
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



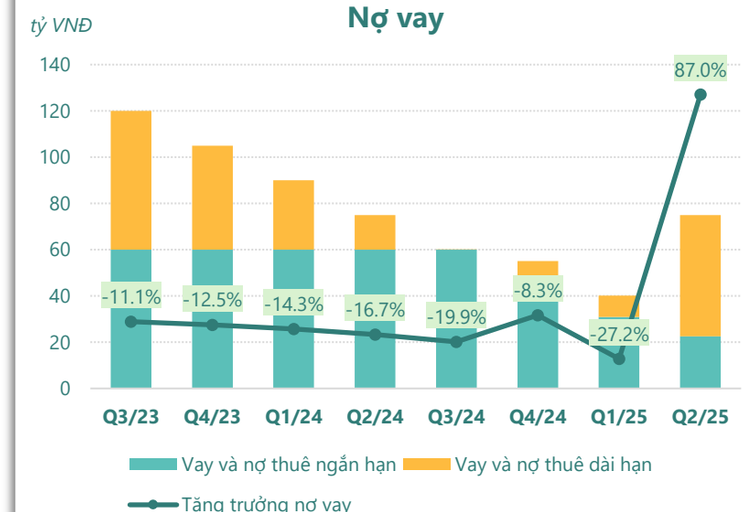
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

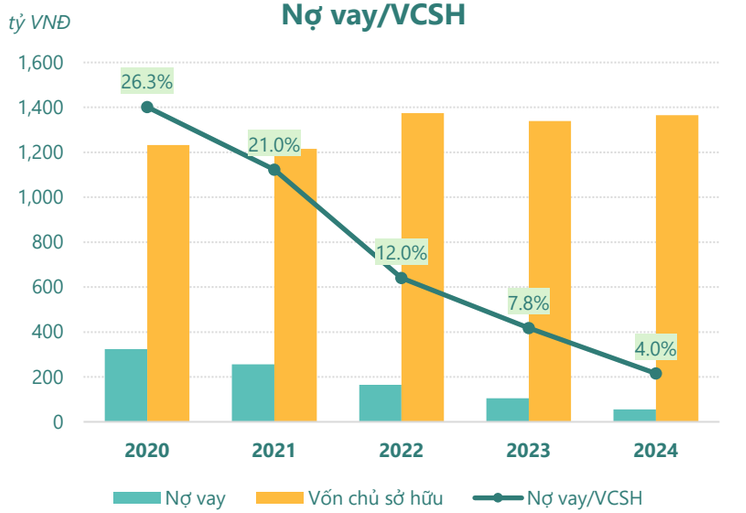
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



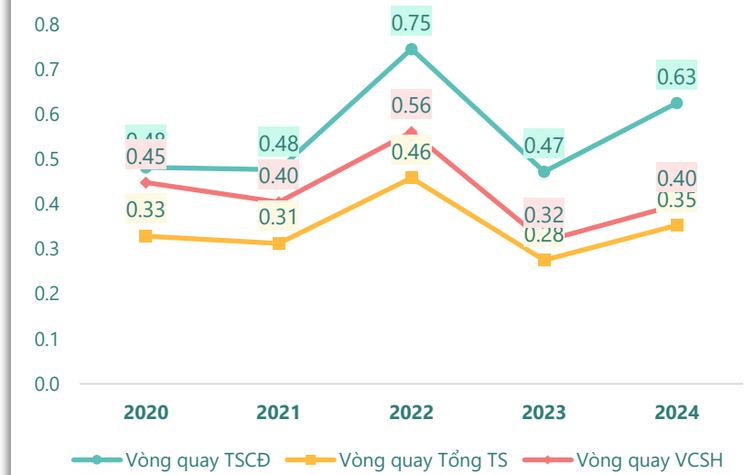
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



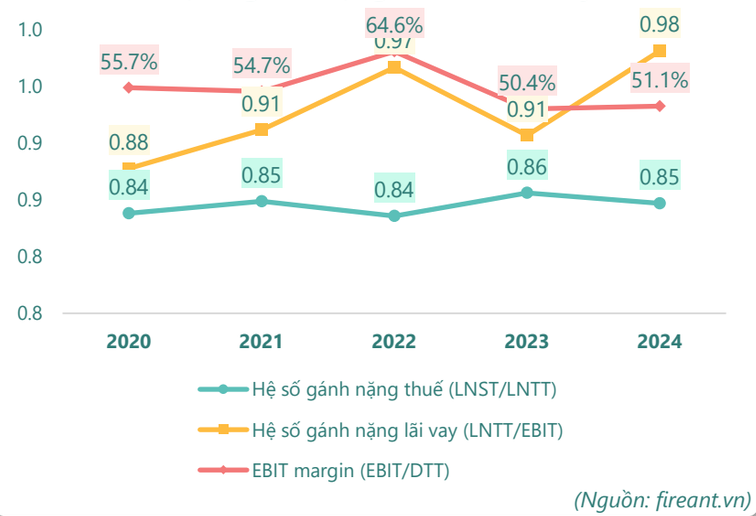
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



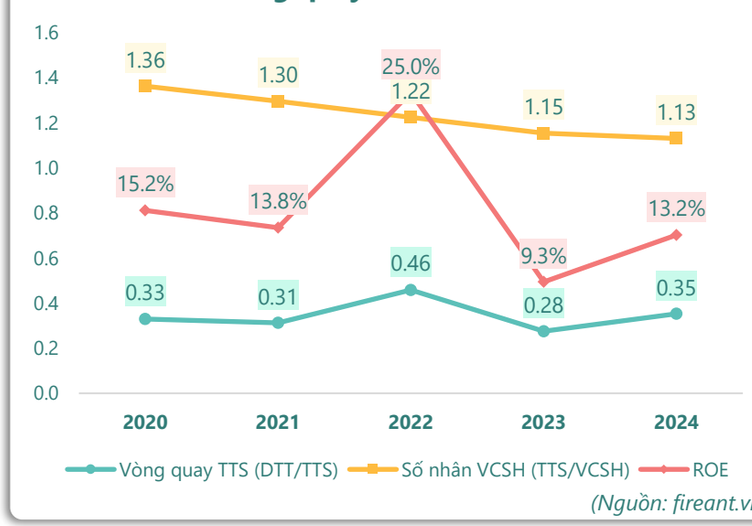
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



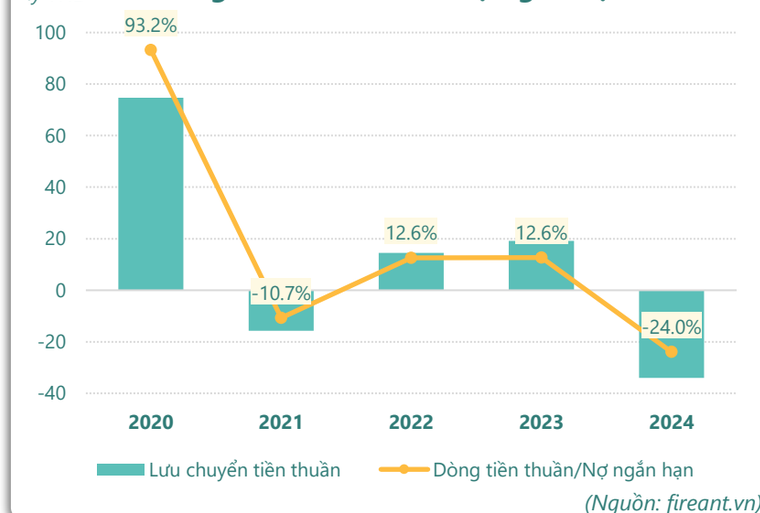
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**155**	**98.8**	**56.9%**	**257**	**210**	**22.5%**
Giá vốn hàng bán	53.6	54.8	-2.2%	94.1	93.4	0.7%
Lợi nhuận gộp	101	44.0	131%	163	116	39.9%
Doanh thu HĐTC	1.78	4.15	-57.2%	3.06	6.87	-55.5%
Chi phí TC	2.69	1.43	87.8%	3.25	3.12	4.0%
Chi phí lãi vay	0.34	1.42	-76.2%	0.90	3.11	-71.0%
LN trong công ty LKLD	**6.09**	**-0.12**	**5173%**	**5.16**	**-0.42**	**1338%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**13.1**	**13.5**	**-3.3%**	**26.7**	**27.5**	**-3.0%**
LN thuần từ HĐKD	93.6	33.1	183%	141	92.1	53.1%
Lợi nhuận khác	**1.71**	**0.03**	**5609%**	**1.23**	**0.06**	**2085%**
LN trước thuế	95.3	33.1	188%	142	92.1	54.4%
Lợi nhuận sau thuế	**82.0**	**30.2**	**172%**	**122**	**80.5**	**51.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**60.7**	**14.8**	**310%**	**89.6**	**53.9**	**66.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	78.9	44.6	168	92.3	76.8	102
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-24.5	-8.97	-18.7	-101	-34.8	-120
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-78.5	-24.5	-157	-5.25	-50.4	-3.21
Tiền đầu kỳ	128	104	115	108	94.3	86.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-24.0**	**11.1**	**-7.09**	**-14.0**	**-8.31**	**-21.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	104	115	108	94.3	86.0	65.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,638**	**1,520**	**7.8%**
Tài sản ngắn hạn	216	235	-8.1%
Tiền và tương đương tiền	65.0	94.3	-31.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.7	22.0	-37.7%
Phải thu ngắn hạn	123	110	11.9%
Hàng tồn kho	8.81	5.34	65.0%
Tài sản ngắn hạn khác	5.65	3.75	50.7%
Tài sản dài hạn	**1,422**	**1,284**	**10.7%**
Phải thu dài hạn	62.0	10.0	520%
Tài sản cố định	917	834	10.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	201	198	1.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	166	160	3.2%
Tài sản dài hạn khác	**4.60**	**3.30**	**39.4%**
Lợi thế thương mại	71.0	79.2	-10.3%
Nợ phải trả	208	155	34.2%
Nợ ngắn hạn	**150**	**142**	**6.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.5	45.4	-50.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	44.4	27.0	64.3%
Nợ dài hạn	57.5	13.2	336%
Vay và nợ thuê dài hạn	52.5	9.68	442%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,430**	**1,365**	**4.8%**
Vốn chủ sở hữu	**1,430**	**1,365**	**4.8%**
Vốn điều lệ	635	635	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)